| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐĂK LĂK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **89**/2020/DS-PT
Ngày: 06/5/2020
*V/v: "Kiện đòi tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Y Thông Kbuôr.
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huờn; bà Lưu Thị Thu Hường.
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLPT-DS ngày 09/01/2020 về việc "*Kiện đòi tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2020/QĐPT-DS ngày 09/3/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐ-HPT ngày 06/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.
- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đinh Xuân T, luật sư Văn phòng luật sư A - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN :

*- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Na trình bày:*

Chị Nguyễn Thị N và chị Phạm Thị H là chỗ quen biết nên đã thỏa thuận mua khoai chung. Tháng 4/2017, chị N đã góp số tiền 320.000.000 đồng và chị H góp 200.000.000 đồng. Tổng số tiền hai người góp là 520.000.000 đồng; chị H là người giữ tiền. Cũng trong tháng 4/2017, chị N và H mua 02 lô khoai, diện tích 3,1 ha của anh Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn K1 với số tiền là 620.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2017, chị N và chị H lập giấy thanh toán tiền nợ mua khoai chung lần 1 (lô khoai của anh K và anh K1) như sau:

Tổng số tiền đã thu được từ việc bán hai lô khoai trên là 587.344.300 đồng; số tiền chị H đã chi là 691.500.000 đồng; cân đối thu chi hai người lỗ số tiền 104.155.700 đồng, mỗi người chịu lỗ 52.077.850 đồng.

Chị N góp 200.000.000 đồng, chị H đã trả cho chị N 90.000.000 đồng, chị H còn nợ lại chị N 110.000.000 đồng, trừ tiền lỗ là 52.077.850 đồng. Như vậy, chị H còn nợ chị N số tiền là 57.922.150 đồng. Chị H và chị N có lập "Giấy thanh toán tiền nợ mua chung lô khoai lần 1".

Sau đó, chị H nói với chị N là hai bên không mua bán khoai chung nữa và yêu cầu hai bên thanh toán xong tiền mua khoai chung. Ngày 18/6/2017, hai bên lập giấy thanh toán tiền nợ mua khoai chung lần 2. Lần 1 chị H nợ chị N số tiền 57.922.150 đồng, cộng với số tiền chi phí chị N bỏ ra là 17.290.000 đồng. Tổng số tiền chị N tính lãi là 120.000.000 đồng x 02% x 02 tháng = 2.400.000 đồng và số tiền chị N mượn chị H là 2.000.000 đồng. Như vậy, chị H còn nợ chị N số tiền 75.212.000 đồng – 4.400.000 đồng = 70.812.000 đồng; chị N và chị H có lập "Giấy thanh toán nợ chi lô khoai lần 2".

Nay chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lắk buộc chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền là 70.812.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của chị H thì chị N không đồng ý. Chị N và chị H không chung lô khoai với bà Đ vì chị H không cho chị N chung.

*- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đinh Xuân T trình bày:*

Ngày 02/3/2017, chị H với chị N thỏa thuận góp tiền mua chung lô khoai của ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn K, mục đích để buôn bán kiếm lời. Tuy nhiên, sau khi buôn bán thì bị lỗ. Đến ngày 18/6/2017 chị H với chị N bàn bạc, tính toán việc lời lỗ của 02 lô khoai trên, chị H đồng ý nợ lại của chị N số tiền là 70.812.000 đồng.

Trên cơ sở đó, chị H với chị N thỏa thuận với nhau để mua 01 lô khoai khác để buôn bán bù lỗ 02 lô khoai trước, lời lãi bao nhiêu lúc đó tính toán chung và khấu trừ cho chị H số tiền nợ trên.

Ngày 15/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 11/4/2017 dương lịch) chị H với chị N mua chung một lô khoai của bà Lưu Thị Đ với giá là 230.000.000 đồng. Sau khi thỏa

thuận xong thì chị N giao cho chị H đứng ra đặt cọc tiền mua khoai cho bà Đ số tiền là 130.000.000 đồng, còn việc của chị N là tìm người để bán lại lô khoai trên kiếm lời. Sau ba ngày, ngày 14/4/2017 chị N đã thỏa thuận bán cho bà Đoàn Thị D lô khoai của bà Đ với giá là 270.000.000 đồng. Chị N đã nhận của bà D số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận giao nhận tiền đặt cọc xong thì không còn khả năng khai thác được, không buôn bán được nên các bên đã chấp nhận hủy bỏ đi lô khoai nói trên. Lúc này, chị H trao đổi với chị N để khấu trừ cho các lô khoai mà hai bên đã mua và đặt cọc, tuy nhiên chị N không chịu khấu trừ mà bắt chị H phải nhận nợ số tiền là 70.812.000 đồng. Cụ thể: 02 lô khoai trước chị H còn nợ chị N số tiền là 70.812.000 đồng; Lô khoai sau chị H đã đặt cọc số tiền 130.000.000 đồng, chị N nhận tiền đặt cọc bán cho bà D số tiền là 50.000.000 đồng. Như vậy, lô khoai sau chị N còn nợ chị H số tiền là 90.000.000 đồng (130.000.000 đồng + 50.000.000 đồng : 2 = 90.000.000 đồng). Chị H nợ chị N số tiền 70.812.000 đồng, chị N nợ chị H số tiền 90.000.000 đồng. Vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả thêm cho chị H số tiền là 19.188.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị H rút một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 40.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng mà chị N nhận đặt cọc từ bà D. Vì số tiền này là tiền bà D đặt cọc để mua lô khoai mà chị H mua của bà Đ và đã đặt cọc cho bà Đ 130.000.000 đồng.

- *Người làm chứng là bà Lưu Thị Đ khai:* Ngày 15/3/2017 âm lịch, bà Lưu Thị Đ có làm hợp đồng bán cho chị Phạm Thị H, hợp đồng được ký chỉ bà Đ và chị H, khi khoai được giá chị H điện cho bà Đ nói rằng lô khoai này chỉ có chị H mua, chị N và cô Đoàn Thị D không liên quan tới lô khoai này nhưng khi khoai xuống giá chị H thì hủy bỏ hợp đồng làm bà Đ bị thiệt hại nặng. Sau đó, chị H điện thoại nhờ bà Đ ra trước Tòa án làm chứng việc chị N có chung lô khoai, chị H hứa sẽ trả chi phí đi lại cho bà Đ nhưng bà Đ không đồng ý.

- *Người làm chứng là bà Đoàn Thị D khai:* Ngày 14/4/2017, bà D ký hợp đồng mua lô khoai với nhiều người khác nên bà không nhớ là bà có ký hợp đồng với những ai. Khi đi mua khoai bà D có gặp Nguyễn Thị N và Phạm Thị H nhưng bà không còn nhớ ai là người đề xuất với bà về việc mua lô khoai. Theo lời khai của chị Nguyễn Thị N, sau khi nhận 50.000.000 đồng tiền đặt cọc từ bà thì chị Na đã đưa lại số tiền 50.000.000 đồng trên cho chị Phạm Thị H, sự việc trên bà D không nhớ rõ.

- *Người làm chứng là anh Bùi Xuân H1 khai:* Anh Bùi Xuân H1 và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng. Khoảng 15 giờ ngày 14/4/2017, tại nhà anh H1, anh có chứng kiến việc chị N có làm hợp đồng bán khoai với bà D và nhận tiền cọc từ bà D nhưng số tiền là bao nhiêu thì anh không rõ. Sau khi nhận tiền từ bà D thì chị N đưa lại ngay

số tiền cho trên cho chị H. Ngoài ra, anh H1 không chứng kiến gì thêm.

*Tại Bản án sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắk đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 166, Điều 274, 275 và Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Buộc chị Phạm Thị H phải trả cho chị N số tiền 70.812.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bị đơn về số tiền 40.000.000 đồng.

3. Bác yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị H đối với số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019, bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số tiền 70.812.000 đồng mà bị đơn nợ của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bên đều thừa nhận: Vào khoảng tháng 4/2017, chị Nguyễn Thị N và chị Phạm Thị H góp tiền mua khoai chung với tổng số tiền 520.000.000 đồng, trong đó chị H góp 320.000.000 đồng, chị N góp 200.000.000 đồng. Cũng vào tháng 4/2017, chị N và chị H mua 02 lô khoai của anh Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn K1. Sau khi thống nhất thu chi vào ngày 18/6/2017, chị N và chị H thống nhất tính toán, chị Hương còn nợ chị N số tiền 70.812.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định vào ngày 18/6/2017, chị H thừa nhận còn nợ chị N số tiền 70.812.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng: Chị H cho rằng sau khi nhận 50.000.000 đồng tiền cọc của bà Đoàn Thị D thì chị N không đưa lại cho chị H. Tuy nhiên, chị N khai sau khi nhận 50.000.000 đồng tiền cọc của bà Đoàn Thị D, chị N đưa ngay tiền cho chị H vào ngày 14/4/2017; đến ngày 18/6/2017, khi hai bên viết "Giấy thanh toán nợ chi lô khoai lần 2", chị H vẫn xác nhận còn nợ chị N 70.812.000 đồng. Như vậy lời khai của chị N là phù hợp với diễn biến khách quan của vụ việc và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, chị H cũng không cung cấp thêm được chứng cứ chứng minh khác nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, buộc chị Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 70.812.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H – Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0013664 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
-.....;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Y Thông Kbuôr**